

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 7/6/2025 đến 13/6/2025)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2025

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2025: 31.070,7 ha/ 24.858 ha (KH vụ Hè Thu)/68.867 ha/ năm (kế hoạch SXKD) ha đạt 125% so với KH và đạt 45,1% so với kế hoạch năm.

1. Khu vực Củ Chi: 17.132,2 ha; cụ thể:

– Lúa: 5.371,6 ha (CTTL kênh Đông Củ Chi: 4.567,4 ha; CTTL AP-PMH: 23,3 ha; CTTL Thai Thai – Bến Súc: 12,7ha; CTTL Láng The-Sông Lu: 75,4 ha; Cây Xanh-Bà Bép: 42,2 ha; CTTL Tân Thạnh Đông: 620,6 ha; CTTL Bắc rạch Tra: 30,0ha);

– Rau màu: 855,7 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 2.703,9 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 254,2 ha

– Tiêu thoát nước nông nghiệp: 4.320,2 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị: 3.617,6 ha.

Hiện nay khu vực đã thu hoạch 1.262,3 ha, cụ thể:

– Lúa : 406,6ha (Trung Lập Thượng: 70,5 ha, Trung Lập Hạ: 71,9 ha, Phước Thạnh: 210,3 ha, Phước Hiệp: 29,0 ha, Tân An Hội: 24,9 ha);

– Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 855,7 ha.

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: 6.980,2 ha:

– Lúa: 794,9 ha (Tân Thới Nhì: 174,4 ha, Xuân Thới Sơn: 84,6 ha; Xuân Thới Thượng: 87,9 ha; Tân Kiên: 73,6 ha; Tân Nhựt: 152,7 ha; Lê Minh Xuân: 141,3 ha; Vĩnh Lộc B: 12,3 ha, Tân Tạo A: 68,1 ha);

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 1.523,4 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 54,8 ha.

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 158,0 ha.

– Tiêu thoát nước đất nông nghiệp: 1.954,8 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 2.494,3 ha.

3. Khu vực Nam rạch Tra: 3.733,4 ha, cụ thể:

– Lúa: 12,4 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 273,1 ha;

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 332,7 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 23,9 ha;

– Tiêu thoát nước: 3.091,3 ha.

4. Khu vực Thủ Đức: Tiêu thoát nước 3.233,9 ha.

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 07/06/2025 đến ngày 13/06/2025: 7.619.571 m³, cụ thể:

| Ngày | K34 | | | | | N25 | |
|------------------|-------|-------|-----|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | MNTL | MNHL | A | Q(m ³ /s) | W(m ³) | Q(m ³ /s) | W(m ³) |
| 07/06/2025 | 13,62 | 13,37 | 0,9 | 9,36 | 808.693 | 3,43 | 296.086 |
| 08/06/2025 | 13,60 | 13,36 | 0,9 | 9,17 | 792.355 | 3,21 | 276.963 |
| 09/06/2025 | 13,60 | 13,37 | 0,9 | 8,98 | 775.672 | 3,09 | 266.888 |
| 10/06/2025 | 13,64 | 13,34 | 0,9 | 10,25 | 885.879 | 3,73 | 322.652 |
| 11/06/2025 | 13,58 | 13,34 | 0,9 | 9,17 | 792.355 | 2,97 | 256.418 |
| 12/06/2025 | 13,54 | 13,27 | 0,9 | 9,73 | 840.419 | 2,97 | 256.418 |
| 13/06/2025 | 13,58 | 13,34 | 0,9 | 9,17 | 792.355 | 2,97 | 256.418 |
| Tổng cộng | | | | | 5.687.728 | | 1.931.843 |

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 07/06/2024 đến 13/06/2025 là **222,597** triệu m³, bằng 94,367% so cùng kỳ và bằng 59,201% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 164,139 triệu m³, K0 – N25: 58,458 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông: Độ đục dao động từ (11,6 ÷ 20,2) NTU và pH dao động từ (6,9 ÷ 7,12).

3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (19,81 ÷ 20,03) m.

| Ngày | Mức nước năm 2025 (m) | Mức nước năm 2024 (m) |
|------------|-----------------------|-----------------------|
| 13/06/2025 | 19,83 | 19,30 |
| 12/06/2025 | 19,87 | 19,32 |
| 11/06/2025 | 19,88 | 19,33 |
| 10/06/2025 | 19,81 | 19,33 |
| 09/06/2025 | 19,88 | 19,31 |
| 08/06/2025 | 19,95 | 19,30 |
| 07/06/2025 | 20,03 | 19,32 |

4.Lượng mưa đo được tại các trạm:

| STT | Trạm | Mưa trong tuần (mm) | Mưa lũy tiến trong năm 2025 (mm) |
|-----|------------------|---------------------|----------------------------------|
| 1 | Xí nghiệp Củ Chi | 65 | 444 |
| 2 | N25-2 | 68 | 476 |
| 3 | N31A (K0) | 56 | 505 |
| 4 | Trung An | 56 | 60 |
| 5 | N25 | 31 | 322 |
| 6 | Bắc Rạch Tra | 58 | 58 |
| 7 | K9-N46 | 58 | 735 |

| | | | |
|----|---------------------|----|-----|
| 8 | An Phú | 24 | 416 |
| 9 | Thai Thai - Bến Súc | 38 | 381 |
| 10 | Xí nghiệp HM-BC | 44 | 621 |
| 11 | Cụm T10 | 59 | 703 |
| 12 | Cụm kênh C | 82 | 508 |
| 13 | Gò Dưa | 66 | 665 |
| 14 | Ba Thôn | 53 | 622 |
| 15 | Ông Đụng | 59 | 624 |

5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

| | |
|-----------------------|------------|
| + Công Gò Dưa | : + 1,04 m |
| + Công Ba Thôn | : + 1,00 m |
| + RT12 (bắc Rạch Tra) | : + 0,88 m |
| + Công kênh C | : + 1,04 m |
| + Công An Hạ | : + 0,85 m |

– Chất lượng nước:

| STT | Vị trí | Độ pH | |
|-----|---------------------|-------|------|
| | | PS | PD |
| 1 | Công Tân Kiên | 7,03 | 6,88 |
| 2 | Công kênh C | 6,94 | 6,86 |
| 3 | Công kênh B | 6,61 | 6,54 |
| 4 | Công kênh A | 6,32 | 6,43 |
| 5 | Ngã ba Lý Mạnh | 6,81 | |
| 6 | Công cuối kênh Ranh | 6,57 | |
| 7 | Công An Hạ | 6,39 | |
| 8 | Công T10 | 6,60 | |

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường:

– Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.

– Hiện đê bao ven sông Sài Gòn tại vị trí K8+510 (CTTL bờ hữu ven sông Sài Gòn từ Tỉnh lộ 8 đến rạch Tra (Bắc rạch Tra)) xuất hiện vết nứt có chiều dài khoảng 35,0m, bề rộng vết nứt khoảng từ 4,0 – 6,0cm, mặt đê bao bị sụp lún, có dấu hiệu sạt trượt mái taluy phía đồng và có xu hướng phát triển gây ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn của người dân trong khu vực. Công ty đã gửi văn bản số 403 CTy-TN ngày 13/6/2025 báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để có ý kiến chỉ đạo.